

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 33

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 5800000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 4 tháng 1 năm 2000 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 604/TB-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất đồng dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; và xuất nhập khẩu thuốc, dược liệu.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Minh Thắng	Chủ tịch	
Bà Phạm Thị Xuân Hương	Thành viên	
Bà Vũ Thu Mươi	Thành viên	
Ông Phạm Văn Khoa	Thành viên	
Ông Phạm Nhật Vinh	Thành viên	bổ sung ngày 1 tháng 8 năm 2017
Ông Cao Minh Lãm	Thành viên	từ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Hồng Hương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Trần Hữu Hiệp	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Xuân Hương	Tổng Giám đốc
Ông Lê Thế Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thị Thông	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Phạm Thị Xuân Hương.

Bà Vũ Thị Thông, Phó Tổng Giám đốc Công ty, được bà Phạm Thị Xuân Hương ủy quyền để ký báo cáo tài chính cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo Giấy Ủy quyền số 231/GUQ-LDP ngày 25 tháng 7 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Vũ Thị Thông
Phó Tổng Giám đốc

Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61280354/19355203/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar ("Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better
working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Nam Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3021-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		184.180.318.369	193.773.187.988
110	I. Tiền	4	8.619.899.346	6.805.374.960
111	1. Tiền		8.619.899.346	6.805.374.960
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		55.869.241.224	55.872.299.139
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	52.270.867.174	50.888.728.766
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.972.187.416	2.594.269.458
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.626.186.634	2.389.300.915
140	III. Hàng tồn kho		119.618.612.897	131.095.513.889
141	1. Hàng tồn kho	8	119.618.612.897	131.095.513.889
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		72.564.902	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	72.564.902	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		94.033.870.621	87.260.024.192
210	I. Phải thu dài hạn		35.040.000	14.500.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	35.040.000	14.500.000
220	II. Tài sản cố định		87.064.985.199	80.573.979.461
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	82.410.246.950	75.828.946.174
222	Nguyên giá		134.797.538.876	123.388.997.674
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(52.387.291.926)	(47.560.051.500)
227	2. Tài sản vô hình	11	4.654.738.249	4.745.033.287
228	Nguyên giá		5.451.564.720	5.451.564.720
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(796.826.471)	(706.531.433)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	1.744.588.572	1.789.349.334
231	1. Nguyên giá		2.703.478.177	2.703.478.177
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(958.889.605)	(914.128.843)
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		5.000.000	5.000.000
253	1. Đầu tư dài hạn khác		5.000.000	5.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		5.184.256.850	4.877.195.397
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	5.184.256.850	4.877.195.397
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		278.214.188.990	281.033.212.180

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		176.616.221.849	184.780.505.364
310	I. Nợ ngắn hạn		158.336.708.164	170.474.575.849
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	107.641.403.619	123.887.505.297
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		409.475.149	479.165.718
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.318.529.696	1.542.145.734
314	4. Phải trả người lao động		3.870.845.231	2.434.441.044
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		60.000.000	317.250.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	898.801.104	1.103.156.314
320	7. Vay ngắn hạn	16	41.788.146.629	39.825.138.876
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	2.349.506.736	885.772.866
330	II. Nợ dài hạn		18.279.513.685	14.305.929.515
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	1.833.730.000	1.589.730.000
338	2. Vay dài hạn	16	11.719.876.718	7.436.149.918
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	18	4.725.906.967	5.280.049.597
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		101.597.967.141	96.252.706.816
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	101.379.212.974	96.226.306.816
411	1. Vốn cổ phần		78.299.580.000	67.998.860.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		78.299.580.000	67.998.860.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(320.000)	(320.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		14.079.988.006	8.460.979.464
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.999.964.968	19.766.787.352
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.058.810	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		8.998.906.158	19.766.787.352
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		218.754.167	26.400.000
431	1. Nguồn kinh phí		218.754.167	26.400.000
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		278.214.188.990	281.033.212.180



Trương Thị Ngọc Hiền
Người lập



Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng




Vũ Thị Thông
Phó Tổng Giám đốc


Ngày 10 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	259.003.001.180	248.423.458.887
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(440.980.826)	(298.356.145)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	258.562.020.354	248.125.102.742
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(220.351.661.787)	(211.901.935.062)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		38.210.358.567	36.223.167.680
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	289.723.366	305.287.762
22	7. Chi phí tài chính	22	(2.047.009.024)	(1.342.458.415)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(2.014.251.699)	(1.342.458.415)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(18.250.823.873)	(16.716.420.483)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(8.291.235.295)	(8.283.691.781)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.911.013.741	10.185.884.763
31	11. Thu nhập khác		121.444.936	403.658.625
32	12. Chi phí khác		(6.484.418)	(16.563.700)
40	13. Lợi nhuận khác		114.960.518	387.094.925
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.025.974.259	10.572.979.688
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(1.027.068.101)	(1.256.571.731)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		8.998.906.158	9.316.407.957
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.4	1.149	958
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19.4	1.149	958


Trương Thị Ngọc Hiền
Người lập


Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng


Vũ Thị Thông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.025.974.259	10.572.979.688
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định		4.400.507.763	4.622.078.779
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(16.303.710)	(28.792.077)
06	Chi phí lãi vay	22	2.014.251.699	1.342.458.415
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		16.424.430.011	16.508.724.805
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(17.482.085)	2.613.812.513
10	Giảm hàng tồn kho		11.476.900.992	1.605.293.348
11	Giảm các khoản phải trả		(15.900.148.221)	(8.024.170.938)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(379.626.355)	852.809.974
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.014.251.699)	(1.342.458.415)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.091.941.188)	(1.209.430.171)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		200.000.000	25.000.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.382.266.130)	(767.700.611)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6.315.615.325	10.261.880.505
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(10.764.129.202)	(4.269.643.532)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức nhận được		16.303.710	28.792.077
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(10.747.825.492)	(4.240.851.455)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn nhận được		74.743.006.766	44.529.288.537
34	Tiền trả nợ gốc vay		(68.496.272.213)	(45.306.401.074)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		6.246.734.553	(777.112.537)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.814.524.386	5.243.916.513
60	Tiền đầu kỳ		6.805.374.960	1.992.354.697
70	Tiền cuối kỳ	4	8.619.899.346	7.236.271.210



Trương Thị Ngọc Hiền
Người lập



Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng



Vũ Thị Thông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 5800000047 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 4 tháng 1 năm 2000 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 604/TB-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 29 tháng 6 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất đông dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế; và xuất nhập khẩu thuốc, dược liệu.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 18, Đường Ngô Quyền, Phường 6, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 309 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 326).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập các báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa, và công cụ, dụng cụ | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 30 năm
Máy móc thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	37 - 42 năm
Phần mềm máy tính	3 - 4 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	32 - 50 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam và được sử dụng cho đầu tư khoa học, công nghệ tại Việt Nam. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Hao mòn của tài sản cố định hình thành từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm vào số dư Quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Khi tài sản cố định hình thành từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chuyển sang phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, giá trị còn lại của tài sản được ghi giảm vào số dư Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đồng thời được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Khi tài sản cố định hình thành từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản các tài sản trên (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất đồng dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế trong lãnh thổ Việt Nam chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty.

Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về hàng hóa và dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc Công ty nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất đồng dược; mua bán thuốc, dược liệu, thiết bị y tế và một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	670.417.000	637.112.000
Tiền gửi ngân hàng	7.949.482.346	6.168.262.960
TỔNG CỘNG	8.619.899.346	6.805.374.960

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu từ khách hàng	52.270.867.174	50.888.728.766
Trong đó:		
<i>Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng</i>	15.381.506.607	18.883.096.715
<i>Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng II</i>	5.162.393.987	5.749.208.105
<i>Khác</i>	31.726.966.580	26.256.423.946
TỔNG CỘNG	52.270.867.174	50.888.728.766

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước cho nhà cung cấp	1.972.187.416	2.594.269.458
Trong đó:		
Công ty TNHH Enco	882.153.600	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thông tin Giải Pháp Việt	219.150.000	184.220.000
Khác	870.883.816	2.410.049.458
TỔNG CỘNG	<u>1.972.187.416</u>	<u>2.594.269.458</u>

7. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Thuế GTGT chưa khấu trừ	644.954.769	1.607.729.703
Thuế thu nhập cá nhân	305.683.591	404.854.591
Tạm ứng cho nhân viên	527.573.900	2.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	147.974.374	374.716.621
	<u>1.626.186.634</u>	<u>2.389.300.915</u>
Dài hạn		
Ký quỹ	35.040.000	14.500.000
TỔNG CỘNG	<u>1.661.226.634</u>	<u>2.403.800.915</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Hàng hóa	54.428.579.744	73.449.074.454
Thành phẩm	41.567.907.553	40.112.882.556
Nguyên liệu, vật liệu	17.501.801.047	13.616.070.505
Hàng mua đang đi đường	3.675.409.539	1.908.208.172
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.071.682.414	1.685.844.332
Hàng gửi đi bán	249.804.610	200.888.168
Công cụ, dụng cụ	123.427.990	122.545.702
TỔNG CỘNG	<u>119.618.612.897</u>	<u>131.095.513.889</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	62.359.787	-
Chi phí bảo trì và sửa chữa	10.205.115	-
	<u>72.564.902</u>	<u>-</u>
Dài hạn		
Chi phí thuê mặt bằng	2.266.690.348	2.294.389.210
Chi phí cải tạo nhà máy Phú Hội	1.233.584.143	1.288.921.943
Chi phí bảo trì và sửa chữa	854.800.217	902.742.721
Chi phí khác	829.182.142	391.141.523
	<u>5.184.256.850</u>	<u>4.877.195.397</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.256.821.752</u>	<u>4.877.195.397</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	57.581.823.267	57.450.271.760	8.029.232.393	327.670.254	123.388.997.674
Mua mới trong kỳ	98.265.929	11.310.275.273	-	-	11.408.541.202
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>57.680.089.196</u>	<u>68.760.547.033</u>	<u>8.029.232.393</u>	<u>327.670.254</u>	<u>134.797.538.876</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	5.117.554.881	12.532.839.008	1.964.809.483	327.670.254	19.942.873.626
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(14.846.268.697)	(28.179.605.583)	(4.206.506.966)	(327.670.254)	(47.560.051.500)
Khấu hao trong kỳ	(1.607.825.734)	(2.836.941.884)	(382.472.808)	-	(4.827.240.426)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>(16.454.094.431)</u>	<u>(31.016.547.467)</u>	<u>(4.588.979.774)</u>	<u>(327.670.254)</u>	<u>(52.387.291.926)</u>
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>42.735.554.570</u>	<u>29.270.666.177</u>	<u>3.822.725.427</u>	-	<u>75.828.946.174</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>41.225.994.765</u>	<u>37.743.999.566</u>	<u>3.440.252.619</u>	-	<u>82.410.246.950</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 16)</i>	6.073.054.690	11.508.233.402	726.833.331	-	18.308.121.423

Như được trình bày trong Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	VND Tổng cộng
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	4.487.733.920	963.830.800	5.451.564.720
<i>Trong đó:</i>			
Đã hao mòn hết	-	395.630.800	395.630.800
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(254.080.633)	(452.450.800)	(706.531.433)
Hao mòn trong kỳ	(33.475.038)	(56.820.000)	(90.295.038)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	(287.555.671)	(509.270.800)	(796.826.471)
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	4.233.653.287	511.380.000	4.745.033.287
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	4.200.178.249	454.560.000	4.654.738.249
<i>Trong đó:</i>			
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 16)	171.782.640	-	171.782.640

Như được trình bày trong Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa và vật kiến trúc	VND Tổng cộng
Nguyên giá:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	1.578.569.000	1.124.909.177	2.703.478.177
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết	153.763.777	-	153.763.777
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(419.598.168)	(494.530.675)	(914.128.843)
Khấu hao trong kỳ	(22.262.580)	(22.498.182)	(44.760.762)
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	(441.860.748)	(517.028.857)	(958.889.605)
Giá trị còn lại:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.158.970.832	630.378.502	1.789.349.334
Ngày 30 tháng 6 năm 2017	1.136.708.252	607.880.320	1.744.588.572
<i>Trong đó:</i>			
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 16)	-	630.378.502	630.378.502

Như được trình bày trong Thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	65.454.546	137.454.546
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	(44.760.762)	(44.760.762)

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải trả cho nhà cung cấp	107.641.403.619	123.887.505.297
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y Tế Domesco</i>	<i>7.470.781.956</i>	<i>15.187.231.072</i>
<i>- Chi nhánh Tây Nguyên</i>	<i>100.170.621.663</i>	<i>108.700.274.225</i>
<i>Khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
TỔNG CỘNG	<u>107.641.403.619</u>	<u>123.887.505.297</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Thuế giá trị gia tăng	313.051.025	16.176.726.261	(15.696.809.988)	792.967.298
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25)	577.206.985	1.027.068.101	(1.091.941.188)	512.333.898
Thuế thu nhập cá nhân	651.887.724	96.315.054	(734.974.278)	13.228.500
Khác	-	29.297.002	(29.297.002)	-
TỔNG CỘNG	<u>1.542.145.734</u>	<u>17.329.406.418</u>	<u>(17.553.022.456)</u>	<u>1.318.529.696</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	182.670.022	216.768.569
Trung tâm Khuyến công Tỉnh Lâm Đồng	180.000.000	80.000.000
Khác	536.131.082	806.387.745
	<u>898.801.104</u>	<u>1.103.156.314</u>
Dài hạn		
Trung tâm Khuyến công Tỉnh Lâm Đồng	380.000.000	160.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	230.500.000	206.500.000
Khác	1.223.230.000	1.223.230.000
	<u>1.833.730.000</u>	<u>1.589.730.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.732.531.104</u>	<u>2.692.886.314</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ngắn hạn				
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.1)	35.245.138.876	66.432.638.266	(66.131.704.213)	35.546.072.929
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16.2)	4.580.000.000	4.026.641.700	(2.364.568.000)	6.242.073.700
	<u>39.825.138.876</u>	<u>70.459.279.966</u>	<u>(68.496.272.213)</u>	<u>41.788.146.629</u>
Dài hạn				
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.2)	7.436.149.918	8.310.368.500	(4.026.641.700)	11.719.876.718
TỔNG CỘNG	<u>47.261.288.794</u>	<u>78.769.648.466</u>	<u>(72.522.913.913)</u>	<u>53.508.023.347</u>

16.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Lâm Đồng	<u>35.546.072.929</u>	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2017 đến ngày 15 tháng 12 năm 2017	7	Quyền sử dụng đất, nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị (Thuyết minh số 10, 11, 12)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

16.2 Vay ngân hàng dài hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Lâm Đồng	<u>17.961.950.418</u>	Từ ngày 28 tháng 7 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	8 - 9	Nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải được hình thành trong tương lai từ nhà máy Phú Hội (Thuyết minh số 10)
Trong đó:				
Vay dài hạn	11.719.876.718			
Vay dài hạn đến hạn trả	6.242.073.700			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số đầu kỳ	885.772.866	1.292.573.477
Trích lập quỹ	3.846.000.000	2.566.400.000
Sử dụng quỹ	<u>(2.382.266.130)</u>	<u>(767.700.611)</u>
Số cuối kỳ	<u>2.349.506.736</u>	<u>3.091.272.866</u>

18. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số đầu kỳ	5.280.049.597	5.065.789.093
Sử dụng quỹ	<u>(554.142.630)</u>	<u>(487.299.486)</u>
Số cuối kỳ	<u>4.725.906.967</u>	<u>4.578.489.607</u>

Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng Ladophar

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	33.999.590.000	(320.000)	37.629.405.637	17.699.022.637	89.327.698.274
Cổ tức	-	-	-	(10.301.778.810)	(10.301.778.810)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	9.316.407.957	9.316.407.957
Trích lập quỹ đầu tư và phát triển	-	-	4.830.843.827	(4.830.843.827)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.566.400.000)	(2.566.400.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	33.999.590.000	(320.000)	42.460.249.464	9.316.407.957	85.775.927.421
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	67.998.860.000	(320.000)	8.460.979.464	19.766.787.352	96.226.306.816
Cổ tức (*)	10.300.720.000	-	-	(10.300.720.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	8.998.906.158	8.998.906.158
Trích lập quỹ đầu tư và phát triển	-	-	5.619.008.542	(5.619.008.542)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.846.000.000)	(3.846.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	78.299.580.000	(320.000)	14.079.988.006	8.999.964.968	101.379.212.974

(*) Vào ngày 19 tháng 6 năm 2017, Công ty đã phát hành 1.030.072 cổ phiếu mới với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo phương thức chia cổ tức bằng cổ phiếu. Việc phát hành trên được chấp thuận theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 106/2017/NQ-ĐHCE/LDP ngày 25 tháng 4 năm 2017. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 67.998.860.000 VND lên 78.299.580.000 VND. Vào ngày 6 tháng 7 năm 2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng đã cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh, chấp thuận cho việc tăng vốn cổ phần của Công ty (Thuyết minh số 28).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Vốn cổ phần		
Số đầu kỳ	67.998.860.000	33.999.590.000
Vốn tăng trong kỳ	10.300.720.000	-
Số cuối kỳ	<u>78.299.580.000</u>	<u>33.999.590.000</u>
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố		
Cổ tức đã công bố trong kỳ	10.300.720.000	10.301.778.810
Trong đó:		
Chi cổ tức bằng cổ phiếu	10.300.720.000	-
Cổ tức đã trả bằng tiền trong kỳ	-	10.301.778.810

19.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Cổ phiếu đăng ký phát hành	7.829.958	6.799.886
Cổ phiếu bán ra công chúng Cổ phiếu phổ thông	7.829.958	6.799.886
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) Cổ phiếu phổ thông	(32)	(32)
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	7.829.926	6.799.854

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.4 Lãi trên cổ phiếu

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế (VND)	8.998.906.158	9.316.407.957
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.816.699.552)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	8.998.906.158	7.499.708.405
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (**)	7.829.926	7.829.926
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	1.149	958

(*) Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty chưa có kế hoạch phân chia quỹ khen thưởng phúc lợi.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính cho kỳ kế toán này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận giữ lại của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 106/2017/NQ-ĐHCĐ/LDP ngày 25 tháng 4 năm 2017.

(**) Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được điều chỉnh để phản ánh việc phát hành thêm 3.399.927 cổ phiếu thông qua phương án sử dụng Quỹ đầu tư và phát triển và 1.030.072 cổ phiếu thông qua phương án sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho các cổ đông hiện hữu.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tổng doanh thu	259.003.001.180	248.423.458.887
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	207.037.216.706	195.579.094.635
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	51.790.929.921	52.629.046.068
<i>Doanh thu khác</i>	174.854.553	215.318.184
Các khoản giảm trừ doanh thu	(440.980.826)	(298.356.145)
Hàng bán bị trả lại	(440.980.826)	(298.356.145)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Từ hàng hóa</i>	(370.501.470)	(141.250.957)
<i>Từ thành phẩm</i>	(70.479.356)	(157.105.188)
Doanh thu thuần	<u>258.562.020.354</u>	<u>248.125.102.742</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	206.666.715.236	195.437.843.678
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	51.720.450.565	52.471.940.880
<i>Doanh thu khác</i>	174.854.553	215.318.184

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chiết khấu thanh toán nhận được	273.419.656	276.495.685
Lãi tiền gửi	8.803.710	21.292.077
Cổ tức nhận được	7.500.000	7.500.000
TỔNG CỘNG	<u>289.723.366</u>	<u>305.287.762</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Giá vốn hàng hóa	188.750.388.951	176.186.711.196
Giá vốn thành phẩm	31.556.512.074	35.670.463.104
Khác	44.760.762	44.760.762
TỔNG CỘNG	<u>220.351.661.787</u>	<u>211.901.935.062</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí lãi vay	2.014.251.699	1.342.458.415
Khác	32.757.325	-
TỔNG CỘNG	<u>2.047.009.024</u>	<u>1.342.458.415</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	9.147.975.851	9.173.127.038
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo	2.893.783.631	1.144.570.692
Chi phí vận chuyển	2.881.153.437	2.155.251.486
Chi phí khác	3.327.910.954	4.243.471.267
	<u>18.250.823.873</u>	<u>16.716.420.483</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	6.457.481.548	6.448.734.252
Chi phí khác	1.833.753.747	1.834.957.529
	<u>8.291.235.295</u>	<u>8.283.691.781</u>
TỔNG CỘNG	<u>26.542.059.168</u>	<u>25.000.112.264</u>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Hàng hóa bán ra trong kỳ	188.750.388.951	176.186.711.196
Chi phí nhân công	27.779.136.611	27.800.959.853
Chi phí nguyên vật liệu	26.223.893.628	34.648.043.749
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.700.229.642	8.929.363.998
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.355.747.001	4.134.779.293
Chi phí khác	6.878.396.796	4.734.986.813
TỔNG CỘNG	<u>262.687.792.629</u>	<u>256.434.844.902</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Ngoài ra, đối với dự án Phú Hội, thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20%, Công ty được miễn thuế TNDN cho các hoạt động kinh doanh trong bốn (4) năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2015), và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN được áp dụng trong chín (9) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.027.068.101</u>	<u>1.256.571.731</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>10.025.974.259</u>	<u>10.572.979.688</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	2.005.194.852	2.114.595.938
<i>Các điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	95.131.704	87.545.804
<i>Các điều chỉnh giảm:</i>		
Cổ tức được chia	(1.500.000)	(1.500.000)
Thuế TNDN được miễn	<u>(1.071.758.455)</u>	<u>(944.070.011)</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>1.027.068.101</u>	<u>1.256.571.731</u>

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lương và thưởng	<u>1.802.314.000</u>	<u>1.258.611.000</u>

27. CÁC CAM KẾT

27.1 Thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Dưới 1 năm	436.349.091	768.852.273
Từ 1 đến 5 năm	<u>227.322.273</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>663.671.364</u>	<u>768.852.273</u>

27.2 Cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Dưới 1 năm	181.209.091	214.909.091
Từ 1 đến 5 năm	<u>234.663.636</u>	<u>261.818.182</u>
TỔNG CỘNG	<u>415.872.727</u>	<u>476.727.273</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 6 tháng 7 năm 2017, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng đã cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh, chấp thuận cho việc tăng vốn cổ phần của Công ty từ 67.998.980.000 VND lên 78.299.580.000 VND.

Ngoài sự kiện được nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.



Trương Thị Ngọc Hiền
Người lập



Trương Thị Ngọc Hiền
Kế toán trưởng



Vũ Thị Thông
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2017